

# PHÁP TU LỤC ĐỘ BA LA MẬT

## LỜI TỰA

Pháp tu Lục độ Ba La Mật (Sáu Ba La Mật) là pháp tu của hàng đại thừa Bồ tát.

Trong kinh Bát nhã ba la mật - Tập 1- Phẩm Vấn Thừa - Trang 242:

**“Ngài Tu Bồ Đề bạch Đức Phật: “Bạch đức Thế Tôn! Những gì là đại Bồ tát Đại thừa?”**

**Đức Phật nói: Này Tu Bồ Đề! Sáu ba la mật là đại Bồ tát Đại thừa.**

**Đây là sáu ba la mật:**

**Đàn na ba la mật (tức là Bồ thí ba la mật),**

**Thi la ba la mật (tức là Trì giới ba la mật),**

**Sằn đề ba la mật (tức là Nhẫn nhục ba la mật),**

**Tỳ lê gia ba la mật (tức là Tinh tấn ba la mật),**

**Thiền na ba la mật (tức là Thiền định ba la mật)**

**Bát nhã ba la mật (tức là Trí tuệ Phật)”.**

Pháp tu sáu Ba La Mật tức là pháp tu không chấp trước và nhận thức đúng đắn tính chân thật về con người, vũ trụ vạn vật trên cơ sở quan sát về con người và mọi sự vật hiện tượng gọi chung là các pháp.

Sở dĩ các pháp tu này được gắn liền với từ Ba La Mật là vì từ Ba La Mật nói chung nghĩa là đến bờ kia, từ Ba La Mật ở đây ý nói chỉ về chân lý tuyệt đối của con người, cũng như các pháp từ bờ kia, chứ không phải ở bờ sanh tử này và cũng không phải là chính nó. Do đó chân lý của các pháp chính là ở bờ kia.

Pháp tu sáu Ba La Mật hàm chứa hai phạm trù: Phạm trù thực hiện trong tu tập và phạm trù nhận thức trong tu tập.

Phạm trù thực hiện trong tu tập đó là thực hiện bồ thí, thực hiện trì giới, thực hiện nhẫn nhục, thực hiện tinh tấn, thực hiện thiền định và thực hiện theo trí tuệ Phật.

Phạm trù nhận thức trong tu tập gồm có hai khuynh hướng:

- Khuynh hướng thứ nhất: Nhận thức về con người và vạn vật trong vũ trụ.

- Khuynh hướng thứ hai: Nhận thức về chân lý tuyệt đối của con người và vạn vật trong vũ trụ.

**1. Khuynh hướng nhận thức về con người và vạn vật trong vũ trụ:**

Quán các pháp trong thực tại, là quan sát về con người cũng như vạn vật trong thực tại. Trong quá trình quan sát Bồ Tát thấy rằng: Tính chân thật của con người cũng như vạn vật đều rỗng không, vì tất cả các pháp đều không sanh, không diệt bởi các pháp không có cái tạo tác. Cái tạo tác là cái tự tánh tự nó tạo tác, sản xuất cấu tạo lên chính nó, tạo ra hiện tượng có của các pháp, nhưng các pháp không có cái tạo tác nên các pháp không có tự tánh. Bởi các pháp không có tự tánh để tạo tác, sản xuất cấu tạo sinh ra chính nó, do đó các pháp không sanh, không diệt. Vì các pháp không sanh, không diệt nên các pháp rỗng không, vì các pháp rỗng không nên Bồ thí ba la mật là không thấy người thí, không thấy vật thí và không thấy người nhận thí.

Như vậy, trong quá trình quan sát về con người và vạn vật trong vũ trụ Đại Bồ Tát thấy rằng: Tất cả các pháp đều không sanh, không diệt nên không thật có.

Trong kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 1 - Phẩm Tu Tập Đúng - Trang 60, Đức Phật nói: **“...không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức ... không có vô minh cũng không có vô minh tận, nhân đến không có lão tử, cũng không có lão tử tận...”**.

## **2. Khuynh hướng nhận thức về chân lý tuyệt đối của con người và vạn vật trong vũ trụ:**

Nhận thức về chân lý tuyệt đối tức là nhận thức về nguồn gốc sinh ra con người cũng như vũ trụ vạn vật và năng lực tác động cho mọi sự hoạt động qua lại trong vận động phát triển và tồn tại của con người cũng như vạn vật. Nghĩa là quán vào cái tạo tác, là quán vào pháp tánh, tức là quan sát vào cái tạo tác, sản xuất cấu tạo sinh ra hiện tượng có của con người cũng như vạn vật.

Trong kinh Bát nhã ba la mật - Tập 1 - Phẩm Vấn Thừa - Trang 244, pháp thứ sáu của sáu ba la mật là Bát nhã ba la mật, Đức Phật nói:

**“Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí, chẳng chấp trước tất cả pháp và quán pháp tánh, vì vô sở đắc vậy. Cũng dạy người khác chẳng chấp trước tất cả pháp và quán pháp tánh, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là Đại Bồ tát Bát nhã ba la mật”**.

Như vậy, quán Bát nhã ba la mật là quán vào pháp tánh, tức là quán vào tự tánh của các pháp. Bát nhã ba la mật là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Việt: Bát nhã là trí tuệ, ba la mật là đến bờ kia. Như vậy Bát nhã ba la mật là trí tuệ ở bờ kia, đây là trí tuệ Phật không phải là trí tuệ của con người trần gian. Trí tuệ Phật chính là pháp tánh, cũng chính là cái tự tánh tạo tác, sản xuất, cấu tạo sinh ra các pháp, thường trụ trong các pháp. Tự tánh cũng chính là tự tướng tác động cho mọi sự hoạt động qua lại trong vận động phát triển và tồn tại của con người và vũ trụ vạn vật.

Trong kinh Lăng Già – Trang 65 có nói:

***“Tự tánh của Như Lai tạng vốn trong sạch thường trụ chẳng đoạn, chẳng có biến đổi, đầy đủ ba mươi hai tướng nơi thân của tất cả chúng sanh, vì áo nhớ ấm, giới, nhập che khuất, nên bị cấu bần vọng phân biệt, tham, sân, si sở ô nhiễm, giống như bửu vật vô giá ẩn trong áo nhớ”.***

Như vậy, tự tánh của con người cũng như vạn vật là trí tuệ Phật của Đức Phật Như Lai (không phải của Đức Phật Thích Ca). Con người cũng như vạn vật được sinh ra là do Đức Phật Như Lai.

Trong kinh Đại Bát Niết Bàn - Tập 2 - Trang 105, Đức Phật nói:

***“...có thể thị hiện một thân làm nhiều thân, số thân lớn nhỏ nhiều như vi trần đầy khắp mười phương vô lượng thế giới. Thân Như Lai thật chẳng phải vi trần vì sức đại tự tại mà thị hiện vi trần thân”.***

Đây là sự phân thân của Đức Phật được ví nhiều như cát sông Hằng và sông Hằng nhiều như cát sông Hằng, hoặc được ví nhiều như hải vi trần, tức là những hạt bụi nhỏ chất đầy biển cả còn thân của Đức Phật chẳng phải vi trần.

Như vậy, pháp tánh là cái tự tánh tạo tác, là cái vi trần thân của Như Lai, tức là một biển thể phân thân của Đức Phật Như Lai làm cái tự tánh tạo tác khởi sinh ra con người và tất cả vạn vật. Vì vậy con người cũng như tất cả vạn vật đều không có tự tánh, mà tự tánh đó chính là Phật tánh, là trí tuệ Phật, là Bát nhã ba la mật, cũng chính là Đức Phật. Do đó chân lý của con người và vũ trụ vạn vật chính là trí tuệ Phật, cũng chính là Đức Phật nên **“Tất cả các pháp đều là Phật pháp”**

Như vậy, trong các pháp tu sáu Ba La Mật đều có hai phạm trù là thực hiện và nhận thức một cách đúng đắn về các pháp. Đại Bồ Tát vừa tu hành thực hiện, vừa hướng dẫn chúng sanh tu hành thực hiện và chỉ ra cho chúng sanh thấy được sự thật của con người, vạn vật trong tự nhiên, chỉ ra được chân lý tuyệt đối của vũ trụ vạn vật đều do Đức Phật sinh ra, nên không chấp trước các pháp là thật có.

Các bạn đọc giả thân mến, chúng tôi là những người rất may mắn được Quý Thầy trực tiếp hướng dẫn tu hành, giảng giải, chỉ bảo tận tình, nên đã thấu hiểu được chân lý tuyệt đối của vũ trụ vạn vật mà Đức Phật Thích Ca đã chỉ ra trong giáo pháp đại thừa của Ngài. Muốn chia sẻ nêu ra để các bạn đọc tìm hiểu đối chiếu với bản thân mình trong cuộc sống hàng ngày, nếu thực hiện được như những lời luận giải trong pháp tu sáu Ba La Mật thì cuộc sống của các bạn sẽ luôn được tự tại, an vui, không còn những chấp trước, tham lam, sân hận, lo âu, phiền não trong mưu cầu cuộc sống.

Chúc các bạn đọc giả sớm hiểu được chân lý tuyệt đối của con người, cũng như mọi sự vật hiện tượng đang tồn tại trong thế giới tự nhiên ở xung quanh chúng ta.

Trong quá trình luận giải không tránh khỏi những thiếu sót, mong các bạn đọc góp ý. Xin chân thành cảm ơn!

***Di Tích Danh Thắng Chùa Hang,***  
*Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh*  
*Tháng 2 Năm 2018*  
*Luận giả: Phạm Thị Mỹ*  
*Phạm Thị Linh*

## LUẬN NGHĨA PHÁP SÁU BA LA MẬT

**1. ĐÀN NA BA LA MẬT:** Tức là bố thí ba la mật là bố thí không chấp trước.

*Chính kinh: “Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí để bố thí những sở hữu trong thân ngoài thân, cùng chung tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề, vì pháp dụng vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát Đàn na ba la mật” (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 1 - Phẩm Vấn Thù - Trang 242).*

*Chính kinh: “Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí...”*

*Luận nghĩa:* Đức Phật Thích Ca đã chỉ ra trong tâm của con người có hai phần: Tâm Vương và Tâm Sở. Tâm Vương là trí tuệ Phật cũng là Nhất thiết trí, cũng chính là Bát nhã ba la mật. Tâm Sở là ý thức của con người.

Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí nghĩa là dùng ý thức của mình biết được Tâm Vương chính là nhất thiết trí còn gọi là Phật tánh trong chúng sanh, còn gọi là Như Lai tạng, là trí tuệ của Đức Phật, cũng chính là Bát nhã ba la mật. Nên nói “...**dùng tâm đúng với nhất thiết trí...**”

*Chính kinh: “...để bố thí những sở hữu trong thân ngoài thân...”*

*Luận nghĩa:* Thật hành hai sự bố thí tài thí và pháp thí. Trong kinh Bát nhã ba la mật, Đức Phật có nói: “**Bồ tát thật hành tài pháp hai sự bố thí lợi ích chúng sanh**”. (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 3 - Phẩm Lục Độ Tương Nhiếp - Trang 99).

Bố thí những sở hữu trong thân là thí pháp, bố thí những sở hữu ngoài thân là thí tài, tài tức là vật chất tiền tài.

- **Bố thí những sở hữu trong thân:**

Đây là thí pháp, là thuyết giảng về cấu tạo thân con người, chứ không phải là cho luôn cả thân con người. Trong thân của con người gồm có nội thân, ngoại thân.

Nội thân bao gồm: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý.

Ngoại thân bao gồm: Vị, hương, xúc, pháp, sắc và thính.

Thí pháp là bố thí trong thân, nghĩa là thuyết giảng các pháp về nội thân, các pháp về ngoại thân cho chúng sanh biết được về thật tướng của con người mà Bồ tát đã quán sát và thấy đúng như giáo pháp của Đức Phật đã chỉ.

Bố thí pháp về nội thân là thuyết giảng các pháp: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý.

Bố thí pháp về ngoại thân là thuyết giảng các pháp: Vị, hương, xúc, pháp, sắc và thính.

- *Bổ thí pháp về nội thân*: Qua quá trình quan sát về nhãn thì thấy rằng: Các pháp không có tự tánh, nên nhãn cũng không có tự tánh. Tự tánh là cái tạo tác tự nó sản xuất, cấu tạo lên chính nó. Nhưng vì nhãn không có tự tánh, nên không có cái tạo tác, sản xuất, cấu tạo lên nhãn vì vậy nhãn không sanh, do đó nhãn rỗng không.

Khi xét về các pháp nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thì thấy cũng giống như nhãn, tức là cũng không có tự tánh, nên không có cái tạo tác vì vậy cũng không sanh do đó cũng rỗng không.

Như vậy nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý rỗng không, tức là nội thân rỗng không.

- *Bổ thí pháp về ngoại thân*: Trong quá trình quan sát về ngoại thân là vị, hương, xúc, pháp, sắc, thính thì thấy rằng ngoại thân cũng giống như nội thân cũng không có tự tánh, nên không có cái tạo tác vì vậy cũng không sanh, do đó ngoại thân cũng rỗng không.

Như vậy, nội thân rỗng không, ngoại thân rỗng không nên Bồ thí ba la mật về nhận thức không thấy người thí, không thấy người nhận thí. Nhưng sự hiện hữu của nội thân và ngoại thân, tức là trong thân của con người là do pháp tánh thường trụ thay vì các pháp không có tự tánh để tạo tác sinh khởi các pháp. Pháp tánh thường trụ đó chính là Phật tánh hay còn gọi là Như Lai tạng, là pháp thân của Đức Phật Như Lai do Đức Phật Như Lai phân thân mà có.

*Trong kinh Lăng già nói: “Pháp sở thuyết trong kinh Phật nói tự tánh của Như Lai tạng vốn trong sạch thường trụ chẳng đoạn, chẳng có biến đổi, đầy đủ ba mươi hai tướng nơi thân của tất cả chúng sanh, vì áo nhơ ám, giới, nhập che khuất nên bị cấu bần vọng phân biệt, tham, sân, si sở ô nhiễm, giống như bửu vật vô giá ẩn trong áo nhơ”. (Kinh Lăng Già - Trang 65)*

Như Lai tạng cũng chính là Phật tánh, cũng chính là trí tuệ Phật, cũng tức là Bát nhã ba la mật.

- **Bổ thí những sở hữu ngoài thân:**

Đây là thí tài, tức là bổ thí những vật dụng, tiền tài cho chúng sanh. Khi xét về tài thí là những vật dụng, tiền tài thì nó không tự sanh ra được chính nó, nên rỗng không. Theo giáo lý của Đức Phật Bồ tát nhận thức rằng, vật thí là do con người tạo ra, nhưng xét về con người thì tự tánh rỗng không, tự tướng rỗng không, nên không sanh và tướng như bất động. Tự tướng là cái chủ thể, là cái chứa tể, là cái ngã của con người. Nhưng các pháp tự tướng rỗng không, nên các pháp vô ngã, không có chủ thể, không có chứa tể, do đó các pháp tướng như bất động.

Như vậy, con người cũng tương như bất động nên mọi hoạt động như đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, đắp y, ngôn ngữ bất khả đắc. Vì vậy mọi hoạt động tạo tác ra tài vật là bất khả đắc, nên vật thí rỗng không.

Bởi vậy, xét đến tột cùng thì người thí rỗng không, nên bất khả đắc, vật thí cũng rỗng không, nên bất khả đắc và người nhận thí cũng rỗng không, nên bất khả đắc. Do sự rỗng không thấy được trong quan sát, nên gọi là không thấy vật thí.

Như vậy, Bồ thí ba la mật khi quan sát về người thí, vật thí và người nhận thí, thấy được đều rỗng không bởi các pháp không sanh, nên Bồ thí ba la mật là không thấy người thí, không thấy vật thí và không thấy người nhận thí. Đây là Bồ thí ba la mật không phải bồ thí chấp trước.

Bồ thí chấp trước là thấy rõ sự hiện hữu của người thí, vật thí và người nhận thí trong thực tại, nên chấp vào đó là sự thật, là thật có. Còn Bồ thí ba la mật là tìm xét đến tột cùng thật tướng về sự sinh khởi của các pháp là không sanh, nên không thấy người thí, không thấy vật thí và không thấy người nhận thí. Bồ tát nhận thức như vậy nhưng không xa rời pháp ấy, bởi khi đã có bồ thí là có người thí, vật thí và người nhận thí hiện hữu. Khi tìm xét tột cùng đến thật tướng của các pháp thấy được là rỗng không. Bởi tất cả các pháp đều không có tự tánh để tạo tác khởi sinh, mà sự khởi sinh do Phật tánh thay vì các pháp không có tự tánh để tạo tác khởi sanh lên mọi hiện hữu. Phật tánh đó chính là cái tư duy tạo tác, là trí tuệ Phật, cũng chính là Bát nhã ba la mật. Do đó thật tướng của các pháp là Bát nhã ba la mật, cũng chính là Đức Phật.

Như vậy, khi quan sát và tìm xét đến tột cùng thấy được tất cả các pháp đều do Bát nhã ba la mật sinh:

*Như trong kinh Bát Nhã Đức Phật nói: “**Vi tất cả các pháp chẳng sanh như vậy cho nên Bát nhã ba la mật phải sanh**” (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 2 - Phẩm chiếu Minh - Trang 103).*

*“**Trong Bát nhã ba la mật này xuất sanh chư Phật, chư Bồ tát, Bích Chi Phật, A La Hán, A Na Hàm, Tư Đà Hàm, Tu Đà Hoàn**” (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 2 - Phẩm chiếu Minh - Trang 100).*

Bát nhã ba la mật là trí tuệ Phật, cũng chính là Đức Phật, Đức Phật ở đây không phải là Đức Phật Thích Ca, mà chính là Đức Phật Như Lai.

Đức Phật Như Lai là đáng tối cao phân thân ra các pháp thân, khi những người tu hành thành Phật, như Đức Phật Thích Ca là ý thức của Ngài nhập được với pháp thân này, được gọi là thành Phật, hay nói cách khác là nhập Phật tri kiến. Phật tri kiến cũng chính là trí tuệ Phật, tất cả các ngôn từ trên chỉ là phương tiện nói nhưng cũng chính là Bát nhã ba la mật, là Đức Phật. Do đó **“Tất cả các pháp đều là Phật pháp”**.

*Chính kinh: “....**cùng chung tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề.....**”*

*Luận nghĩa:* Hướng về Vô thượng Bồ đề tức là hướng về Phật, trong kinh Bát Nhã Đức Phật Thích Ca cũng nói Vô thượng Bồ đề cũng chính là Phật và Phật cũng chính là Vô thượng Bồ đề. Vô thượng Bồ đề ở đây ý nói là những thực thể phân thân của Đức Phật hay còn gọi là pháp thân của Đức Phật Như Lai, không phải là chánh thân mà là những thực thể phân thân, phân thân của Đức Phật cũng chính là Phật.

Do đó, Đức Phật Thích Ca thành Phật, hay những người khác trong tương lai thành Phật, cũng đều được gọi là Đức Phật Như Lai, bởi ý thức của Ngài nhập được với phân thân ở trong Ngài, phân thân đó chính là Phật tánh, là uẩn tướng trong năm uẩn, cũng là Tâm Vương. Khi Tâm Sở nhập được với Tâm Vương gọi là nhập Phật tri kiến, ý thức của con người nhập được với trí tuệ Phật và hòa chung với trí tuệ Phật (gọi là Toàn giác).

Như vậy, cùng chung tất cả chúng sanh hướng về Vô thượng Bồ đề, tức là hướng về Phật ý nói tất cả chúng sanh đều do Phật, đều từ Phật sinh ra.

**Chính kinh: “.....vì pháp dụng vô sở đắc vậy.”**

*Luận nghĩa:* Pháp dụng tức là pháp sử dụng, pháp sở hữu nhưng chúng sanh tự tánh rỗng không, tự tướng rỗng không nên nội thân rỗng không, ngoại thân rỗng không và tướng như bất động, nên không có sở hữu. Do đó, pháp dụng vô sở đắc không thể đạt được trong tất cả các chỗ đạt.

Ví dụ như chỗ đạt của quả Tu đà hoàn, vì quả Tu đà hoàn cũng không có tự tánh để sinh ra quả và con người cũng tướng như bất động, nên không tạo ra được quả, do đó không có quả Tu đà hoàn.

*Trong kinh Bát Nhã Đức Phật nói: “Không có Tu đà hoàn, và quả Tu đà hoàn, không có Tư đà hàm, A na hàm, A la hán, Bích chi Phật và Phật, cũng không có quả Tư đà hàm, quả A na hàm, quả A la hán, quả Bích chi Phật và quả Phật”. (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 1 - Phẩm Tu Tập Đứng - Trang 60).*

*Luận nghĩa:* Quả Phật ở đây là nói những người tu đắc quả thành Phật như trong tâm kinh Bát Nhã nói:

**“Tam thế chư Phật y Bát nhã ba la mật đa cố, đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề”.**

*Luận nghĩa:* Tức là người thành Phật ở đời quá khứ, người thành Phật ở đời hiện tại, cho đến người thành Phật ở đời vị lai như Đức Phật Thích Ca gọi là tam thế chư Phật. Những người này phải nương vào Bát nhã ba la mật mới đạt vào ngôi chánh đẳng chánh giác, tức là ngôi chánh quả, tức là quả Phật, thành Phật. Còn những người tu hành thành Phật trong ba đời nếu không có Bát nhã ba la mật thì không tự tu, tự

chứng quả Phật, thành Phật, cũng chẳng phải người khác chứng cho quả Phật mà thành Phật. Do đó nói: “.....**vì pháp dụng vô sở đắc vậy**”.

Tất cả các pháp sở đắc thành đạt được, tất cả các chỗ đạt là do Bát nhã ba la mật chứng đạt, cho dù quả Tu đà hoàn cho đến quả Phật. Đức Phật đã chỉ ra:

**“Vi Bát nhã ba la mật sâu xa này hay hiển thị tướng thế gian, hay xuất sanh chư Phật, hay cho Nhứt thiết chủng trí, cũng hay sanh Thiên ba la mật nhẫn đến Đàn ba la mật, hay sanh nội không nhẫn đến vô pháp hữu pháp không, hay sanh tứ niệm xứ nhẫn đến nhứt thiết chủng trí, hay sanh Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, hay sanh chư Phật”.** (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 2 - Phẩm Phật Mẫu - Trang 258).

**“Đây gọi là đại Bồ tát Đàn na ba la mật”.**

## **2. Thi la ba la mật:**

*Luận nghĩa:* Tức là trì giới ba la mật, trì giới không chấp trước.

**Chính kinh: “Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí, để tự thật hành thập thiện đạo và cũng dạy người khác thật hành, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát Thi la ba la mật”** (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 1 - Phẩm Vấn Thù - Trang 243).

**Chính kinh: “Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhứt thiết trí...”**

*Luận nghĩa:* Đức Phật Thích Ca đã chỉ ra trong tâm của con người có hai phần: Tâm Vương và Tâm Sở. Tâm Vương là trí tuệ Phật cũng là Nhứt thiết trí, cũng chính là Bát nhã ba la mật. Tâm Sở là ý thức của con người.

Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí nghĩa là dùng ý thức của mình biết được Tâm Vương chính là nhất thiết trí, là Phật tánh trong chúng sanh, còn gọi là Như Lai tạng, là trí tuệ của Đức Phật, cũng chính là Bát nhã ba la mật. Nên nói “...**dùng tâm đúng với nhất thiết trí.**”

**Chính kinh: “...để tự thật hành thập thiện đạo và cũng dạy người khác thật hành....”**

*Luận nghĩa:* Đại Bồ tát tự thật hành thập thiện đạo là thực hành mười pháp thiện bao gồm: Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời lưỡng thiệt, không nói lời thêu dệt, không nói lời hung ác, không tham lam, không sân hận, không si mê. Đại Bồ tát cũng dạy người khác thật hành thập thiện đạo như vậy, để tránh nhân quả báo ứng khổ đau theo nghiệp.

Vì luật nhân quả được quy định nhân nào quả ấy, nếu gieo thập thiện được hưởng quả sướng vui hạnh phúc, nếu gieo thập bất thiện thì bị báo quả khổ đau. Do đó Bồ tát dạy người khác thật hành thập thiện đạo

để luôn luôn được cuộc sống sướng vui và tránh được mọi khổ đau theo nhân quả báo ứng.

*Chính kinh: “...vì vô sở đắc vậy...”*

*Luận nghĩa:* Khi xét trong các pháp thấy tự tướng rỗng không. Tự tướng là cái chủ thể, là cái chứa tể, là cái ngã, tác động cho mọi sự hoạt động qua lại của các pháp, nhưng các pháp tự tướng rỗng không nên vô ngã, tướng như bất động, do đó mọi hoạt động là bất khả đắc. Như vậy con người cũng tự tướng rỗng không, nên vô ngã tướng như bất động, vì vậy mọi hoạt động như đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống, đáp y, ngôn ngữ bất khả đắc.

Cho nên các hoạt động tu hành thập thiện là không thành đạt vì vô sở đắc vậy, mà sự thành đạt các hoạt động này là do nhất thiết trí, cũng là Tâm Vương tức là trí tuệ Phật, chính là Bát nhã ba la mật tạo tác tác động khả đắc (Nhất thiết duy tâm tạo).

***“Đại Bồ tát Thị la ba la mật”.***

### **3. Sằn đề ba la mật:**

Tức là nhẫn nhục ba la mật, nhẫn nhục không chấp trước.

*Chính kinh: “Đại Bồ tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí, tự đầy đủ nhẫn nhục và cũng dạy người khác thật hành nhẫn nhục, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là Đại Bồ tát Sằn đề ba la mật”. (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 1 - Phẩm Vấn Thừa - Trang 243).*

*Chính kinh: “Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí...”*

*Luận nghĩa:* Đức Phật Thích Ca đã chỉ ra trong tâm của con người có hai phần: Tâm Vương và Tâm Sở. Tâm Vương là trí tuệ Phật, cũng là Nhất thiết trí, cũng chính là Bát nhã ba la mật. Tâm Sở là ý thức của con người.

Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí nghĩa là dùng ý thức của mình biết được Tâm Vương chính là nhất thiết trí, là Phật tánh trong chúng sanh, còn gọi là Như Lai tạng, là trí tuệ của Đức Phật, cũng chính là Bát nhã ba la mật. Nên nói ***“Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí...”***

*Chính kinh: “...tự đầy đủ nhẫn nhục và cũng dạy người khác thật hành nhẫn nhục...”*

*Luận nghĩa:* Đại Bồ tát tự đầy đủ nhẫn nhục ba la mật là khi lãnh thọ những sự lăng mạ, mắng chửi, đánh đập của người khác thì Bồ tát không sanh lòng sân hận, khi bị làm cho thân thể rã rời không móng khởi một niệm hận thù. Bồ tát tự thực hành nhẫn nhục và cũng dạy người khác thật hành nhẫn nhục như vậy, vì sân hận thuộc tam độc, mà phạm

vào tam độc thì sẽ bị đọa vào tam đồ khổ là ba đường ác đạo ngã quỷ, súc sanh và địa ngục.

*Chính kinh: “...vì vô sở đắc vậy.”*

*Luận nghĩa:* Khi xét trong các pháp thấy các pháp tự tướng rỗng không, như vậy con người cũng tự tướng rỗng không, nên vô ngã, tướng như bất động. Do đó mọi hoạt động của con người như đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, đắp y, ngôn ngữ bất khả đắc, vì vậy hoạt động tu hành nhấn nhục cũng bất khả đắc. Cho nên các hoạt động thật hành nhấn nhục không thành đạt **vì vô sở đắc vậy**, mà sự thành đạt các hoạt động này là do Nhất thiết trí, cũng là Tâm Vương là Trí tuệ Phật, chính là Bát nhã ba la mật tạo tác và tác động khả đắc (Nhất thiết duy tâm tạo).

Do đó pháp nhấn của Đại Bồ tát là không chấp trước, vì thấy được mọi hoạt động thành đạt của con người là do Bát nhã ba la mật, tức là do Đức Phật. Trong kinh Bát Nhã có nói:“.....**hoặc có Người hay Phi Nhơn đến chặt đứt rễ rời thân thể, Bồ tát suy nghĩ: Ai chém tôi, ai chặt tôi, ai cướp hại tôi.**” (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 3 - Phẩm Lục Độ Tương Nhiếp - Trang 97)

Như vậy, con người tự tướng rỗng không, nên tướng như bất động, việc chặt, chém, cướp hại của người khác hay phi nhơn đối với ta phải nhận thức đúng rằng, việc chặt chém ta là do pháp tánh thường trụ trong con người của người hay phi nhơn đang chặt chém ta, mà không phải là người đó hay phi nhơn đó, bởi người hay phi nhơn đó đều tướng như bất động vì tự tướng rỗng không. Do đó việc chặt chém là do sự tác động của Pháp tánh thường trụ trong người hay phi nhơn đó, cũng chính là Phật tánh, là trí tuệ Phật, là Bát nhã ba la mật để báo ứng nhân quả theo nghiệp trước trong tái sinh luân hồi sanh tử vì con người hay phi nhơn đều vô sở đắc.

Đây là Nhấn nhục ba la mật.

Còn bậc A la hán cũng được chứng vô sanh pháp nhấn, nhưng pháp nhấn nhục của bậc A la hán là pháp nhấn nhục chấp trước, với mọi sự cố gắng chịu đựng nhấn nhục khi có tác động chặt chém của người hay phi nhơn. Vì chấp vào sự chặt chém ta, chửi mắng của người hay phi nhơn với ta là chính nó chặt chém ta, chính nó chửi mắng ta và nghĩ rằng ta phải nhấn nhục không khởi sân, không khởi lên một niệm hận thù ...

Do đó nhấn nhục chấp trước khác hoàn toàn với nhấn nhục ba la mật.

**“Đây gọi là Đại Bồ Tát Sản Đề Ba La Mật”.**

#### **4. Tỳ lê gia ba la mật:**

Tức là tinh tấn ba la mật, tinh tấn không chấp trước.

**Chính kinh: “Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí, thật hành năm ba la mật kia siêng tu không thôi nghỉ, cũng an lập chúng sanh nơi năm ba la mật, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát Tỳ lê gia ba la mật”. (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 1 - Phẩm Vấn Thù - Trang 243).**

**Chính kinh: “Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí....”**

**Luận nghĩa:** Đức Phật Thích Ca đã chỉ ra trong tâm của con người có hai phần: Là Tâm Vương và Tâm Sở. Tâm Vương là trí tuệ Phật cũng là Nhất thiết trí, cũng chính là Bát nhã ba la mật. Tâm Sở là ý thức của con người.

Đại Bồ tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí nghĩa là dùng ý thức của mình biết được Tâm Vương chính là Nhất thiết trí, là Phật tánh trong chúng sanh, còn gọi là Như Lai tạng, là trí tuệ của Đức Phật, cũng chính là Bát nhã ba la mật.

Nên nói “ **Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí..”**

**Chính kinh: “...Thật hành năm ba la mật kia...”**

**Luận nghĩa:** Đại Bồ tát thật hành năm ba la mật kia là thật hành Bồ thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Thiên định ba la mật và Bát nhã ba la mật.

**Chính kinh: “...Siêng tu không thôi nghỉ...”**

**Luận nghĩa:** Tức là đại Bồ tát thân tinh tấn, tâm tinh tấn chẳng lười, chẳng nghỉ, không giải đãi, không thối chuyển thực hành năm ba la mật.

**Chính kinh: “...cũng an lập chúng sanh nơi năm ba la mật...”**

**Luận nghĩa:**

#### **4.1. An lập chúng sanh nơi Bồ thí ba la mật:**

Bồ thí ba la mật là bố thí không chấp trước tức là bố thí không thấy người thí, không thấy vật thí và không thấy người nhận thí, vì chúng sanh tự tướng rỗng không, tự tánh rỗng không, nên không có cái tạo tác, nên không sanh, không diệt vì vậy không có chúng sanh. Chúng sanh được hiện hữu, khởi lên hiện tượng có là do ức tưởng tư duy tạo tác, ức tưởng tư duy chính là trí tuệ Phật, là Bát nhã ba la mật.

#### **4.2. An lập chúng sanh nơi trì giới ba la mật:**

Trì giới ba la mật là trì giới không chấp trước, là thật hành thập thiện đạo. Khi xét trong các pháp thì thấy các pháp tự tướng rỗng không, như vậy chúng sanh cũng tự tướng rỗng không, nên vô ngã tướng như bất động, do đó mọi hoạt động của chúng sanh là bất khả đắc. Vì vậy việc tu hành thực hiện thập thiện đạo là không thành đạt vì vô sở đắc vậy, mà sự thành đạt của các hoạt động này là do Phật tánh, tức là trí tuệ Phật cũng chính là Bát nhã ba la mật tạo tác, tác động khả đắc.

#### 4.3. An lập chúng sanh nơi nhãn nhục ba la mật:

Nhãn nhục ba la mật là nhãn nhục không chấp trước, khi xét trong các pháp thì thấy các pháp tự tướng rỗng không, như vậy chúng sanh cũng tự tướng rỗng không, nên vô ngã tướng như bất động, do đó mọi hoạt động là bất khả đắc. Vì vậy việc tu hành nhãn nhục là không thành đạt vì vô sở đắc vậy, mà sự thành đạt của hoạt động này là do Phật tánh, là trí tuệ Phật, cũng chính là Bát nhã ba la mật tạo tác tác động khả đắc.

#### 4.4. An lập chúng sanh nơi thiên định ba la mật:

Thiên định ba la mật là thiên định không chấp trước. Khi xét trong tất cả các pháp thấy mọi sở đắc của các pháp là do Pháp tánh thường trụ trong các pháp tác động khả đắc còn các pháp là vô sở đắc. Pháp tánh thường trụ trong các pháp chính là Bát nhã ba la mật.

#### 4.5. An lập chúng sanh nơi Bát nhã ba la mật:

Tức là an lập chúng sanh nơi pháp tánh. Pháp tánh là cái tạo tác cấu tạo sản xuất lên các pháp, chính là cái tự tánh trong các pháp. Pháp tánh này là Bát nhã ba la mật, không phải của các pháp, không phải của chúng sanh, vì vậy các pháp không có tự tánh, chúng sanh không có tự tánh, nên không sanh, không diệt, không có. Mà chúng sanh và tất cả pháp được sinh ra là do Bát nhã ba la mật. Bởi vậy, không chấp trước tất cả pháp là có hay không có.

Như vậy, an lập chúng sanh nơi năm ba la mật tức là Bồ tát luôn luôn ghi nhớ và cũng chỉ ra cho chúng sanh luôn luôn ghi nhớ, thấy được tất cả chúng sanh, cũng như tất cả các pháp không sanh, không diệt, và tướng như bất động vì vô sở đắc vậy. Mà mọi sự hiện hữu và khả đắc là do sự tạo tác, tác động của Bát nhã ba la mật, chính là Đức Phật, do đó tất cả mọi sự hiện hữu, mọi sự thành đạt của chúng sanh và tất cả các pháp, đều do Bát nhã ba la mật, tức là Đức Phật. Cũng từ đó để có nhận thức đúng về con người và vạn vật, tức là tất cả pháp là do Đức Phật sanh ra, còn tất cả pháp đều không sanh, không diệt.

Trong kinh Bát Nhã Đức Phật Thích Ca nói: **“Đức Phật dùng thiệt tướng của các pháp mà làm phước điền cho Trời, người và tất cả chúng sanh. Hóa Phật cũng dùng thiệt tướng của các pháp mà làm phước điền cho Trời, người và tất cả chúng sanh”** (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 3 - Phẩm Tam Huệ - Trang 158, 159).

Đức Phật ở đây là chánh thân của Như Lai, đây cũng gọi là Bát nhã ba la mật. Hóa Phật là phân thân của Như Lai, còn gọi là pháp thân của Như Lai, là Như Lai Tạng, cũng còn gọi là Bát nhã ba la mật.

*Chính kinh: “...vì vô sở đắc vậy.”*

Luận nghĩa: Khi xét trong các pháp thấy các pháp tự tướng rỗng không, như vậy con người cũng tự tướng rỗng không, nên vô ngã, do đó tướng như bất động. Vì vậy mọi hoạt động như đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, đắp y, ngôn ngữ bất khả đắc cho nên mọi hoạt động tu hành tinh tấn là bất khả đắc.

Như vậy, các hoạt động tu hành tinh tấn không thành đạt vì vô sở đắc vậy, mà sự thành đạt các hoạt động này là do pháp tánh, là Nhất thiết trí, cũng là Tâm Vương, là trí tuệ Phật, tức là Bát nhã ba la mật (Nhất thiết duy tâm tạo).

**“Đại gọi là đại Bồ tát tỳ lê gia ba la mật.”**

### **5. Thiên na ba la mật:**

Tức là thiên định ba la mật, thiên định không chấp trước.

**Chính kinh: “Đại Bồ tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí, tự dùng phương tiện nhập các thiên, chẳng thọ sanh theo thiên và cũng dạy người khác nhập các thiên, vì vô sở đắc vậy. Đại gọi là đại Bồ tát Thiên na ba la mật”.** (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 1 - Phẩm Vấn Thừa - Trang 244).

Luận nghĩa:

Thế nào gọi là nhập thiên: Thiên có nghĩa là suy nghiệm, tư duy để đi đến hiểu biết một sự vật hay một hiện tượng nào đó một cách chân thật đúng đắn, thiên ở trong Phật giáo có hai hình thức là thiên quán và thiên chỉ.

#### **• Thiên quán:**

Thiên quán là quán sát, tư duy và suy nghiệm tức là quán sát các pháp để thấy được bản chất các pháp một cách đúng đắn chân thật. Ví dụ như quán sở tức, quán tứ niệm xứ, quán năm uẩn ...

Thiên quán có thể đi thiên, đứng thiên và ngồi thiên, bất cứ ở trạng thái nào cũng có thể suy nghiệm tư duy.

#### **• Thiên chỉ:**

Tức là đình chỉ lại mọi sự quan sát về các pháp và mọi suy nghĩ, ý thức luôn luôn vắng lặng, thanh tịnh để quan sát vào nội tâm (nội tâm ở đây tức là Tâm Vương cũng chính là trí tuệ Phật) để quan sát các hiện tượng diễn ra từ Tâm Vương vào Tâm Sở, những ngôn từ của Đức Phật truyền vào ý thức của con người để nhận biết về vũ trụ và các pháp bên ngoài sẽ được diễn ra trong tương lai, cũng như trong quá khứ và hiện tại. Mở ra túc mạng thông và những thần thông khác trong sáu thần thông mà Đức Phật đã ban cho con người trần gian khi tu hành đã đạt vào chính quả.

Do đó thiền chỉ là ý thức không được loạn động, không được suy nghiệm tư duy mà luôn luôn quan sát vào nội tâm để theo dõi mọi diễn biến được truyền từ nội tâm vào ý thức, cũng tức là từ Tâm Vương truyền vào Tâm Sở, có nghĩa là trí tuệ Phật truyền vào ý thức của con người mọi nội dung về các sự kiện, diễn biến trong vũ trụ và thế giới cũng như con người. Đây gọi là Như Lai vô thượng thiền.

Còn nhập thiền của thiền na ba la mật là thiền quán có bốn thiền: Một là sơ thiền, hai là nhị thiền, ba là tam thiền và bốn là tứ thiền. Thiền quán ở đây là quán các pháp để thấy được bản chất của các pháp một cách đúng đắn, chân thật, khi nhập vào các pháp để quan sát thì gọi là nhập thiền.

**Chính kinh: “Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí...”**

Luận nghĩa: Đức Phật Thích Ca đã chỉ ra trong tâm của con người có hai phần: Tâm Vương và Tâm Sở. Tâm Vương là trí tuệ Phật cũng là Nhất thiết trí, cũng chính là Bát nhã ba la mật. Tâm Sở là ý thức của con người.

Đại Bồ tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí nghĩa là dùng ý thức của mình biết được Tâm Vương chính là Nhất thiết trí, là Phật tánh trong chúng sanh, còn gọi là Như Lai tạng, là trí tuệ của Đức Phật, cũng chính là Bát nhã ba la mật. Nên nói “ **Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí.**”

**Chính kinh: “...Tự dùng phương tiện nhập các thiền...”**

Luận nghĩa: Khi đi vào nhập thiền đại Bồ tát phải tự dùng phương tiện để nhập các thiền, trong Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đức Phật đã chỉ trước khi nhập thiền Bồ tát phải y nơi sư tử:

**“Bồ tát này y nơi sư tử phẩn tán tam muội mà nhập siêu việt tam muội: nhập sơ thiền, xuất sơ thiền, nhập nhị thiền, xuất nhị thiền, nhập tam thiền, xuất tam thiền, nhập tứ thiền, xuất tứ thiền ...”**(Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 3 - Phẩm Lục Độ Tương Nhiếp - Trang 107).

**“Bồ tát này y nơi sư tử...”**: Khi đi vào nhập thiền đại Bồ tát phải nương vào sư tử, sư tử ở đây là phương tiện nói, ý muốn nói sư tử là cái chúa tể, là cái chủ thể, là cái ngã, cũng chính là pháp tánh. Y nơi sư tử là ý nói quán vào pháp tánh. Pháp tánh là cái tạo tác khởi sinh lên tất cả các pháp và tác động cho mọi hoạt động qua lại của các pháp.

**“...phẩn tán tam muội...”**: Tức là Bồ tát phải dùng phương tiện để quán các pháp và tìm đến tất cả các pháp đều không, vô tướng và vô tác gọi là không tam muội, vô tướng tam muội và vô tác tam muội. Không tam muội nói rằng: Các pháp tự tướng rỗng không. Vô tướng tam muội nói rằng: Diệt hoại các pháp tướng không nghĩ không nhớ. Vô tác tam muội nói rằng: Đối với các pháp không mong cầu tạo tác.

**“...mà nhập siêu việt tam muội...”**: Tức là luôn luôn ghi nhớ tất cả các pháp là không, vô tướng, vô tác.

### 5.1. Nhập sơ thiền:

Nhập sơ thiền tức là nhập vào các pháp quan sát để thấy được các pháp một cách đúng đắn chân thật, đây là thiền quán có thể đi thiền, đứng thiền và ngồi thiền khi quan sát các pháp.

Khi nhập sơ thiền quan sát về con người tức là quán năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức, quán tứ niệm xứ, quán sở tức, quán sáu căn, sáu trần, sáu thức ...

Khi quán về sắc là quan sát về vật chất, tức là thể chất của con người thuộc uẩn sắc. Bồ tát phải dùng sức phương tiện, sức phương tiện đó là pháp tánh. Bồ tát phải quán vào pháp tánh để thấy được nguồn gốc sự sinh khởi của các pháp, biết rõ tính chân thật của các pháp, là tự các pháp sinh ra các pháp? hay do nhân duyên sinh ra các pháp? hay từ đâu sinh ra các pháp?.

Như vậy, trong quá trình quan sát Bồ tát thấy được các pháp do pháp tánh thường trụ, cũng chính là Phật tánh làm tự tánh tạo tác, sản xuất, cấu tạo khởi sinh ra các pháp, cũng như sinh ra sắc. Bồ tát thấy rằng tự tánh đang tạo tác sinh khởi ra sắc cũng như các pháp, không phải của sắc, cũng không phải của các pháp. Tự tánh này là pháp tánh, là Phật tánh, hay còn gọi là tánh không. Do đó các pháp không có tự tánh, vì pháp tánh này là của Đức Phật. Pháp tánh này là tự tánh, cũng là tự tướng trong các pháp, tự nó tạo tác cấu tạo sinh ra các pháp và tác động cho mọi sự hoạt động của các pháp trong vận động phát triển và tồn tại.

Do đó, tìm xét đến tột cùng thấy rõ thật tướng của các pháp là không có cái tạo tác, vì tự tánh rỗng không, tự tướng rỗng không.

Tự tánh là cỗ máy sản xuất và cấu tạo lên sản phẩm của vật chất, nhưng sắc không có tự tánh nên không có cái tạo tác, cấu tạo lên sắc. Do đó sắc không sanh, vì sắc không sanh nên sắc không diệt, vì sắc không sanh nên sắc rỗng không.

Sắc được hiện hữu là do sự tạo tác, sản xuất cấu tạo lên sắc của pháp tánh thường trụ, tức là Phật tánh hay tánh không. Do đó sắc chỉ là một thứ sản phẩm được tạo ra bởi pháp tánh, tức là Phật tánh của Phật, do đức Phật Như Lai phân thân thị hiện, nên cũng gọi là pháp thân của Như Lai. Tự tánh này là của Như Lai.

***“Pháp sở thuyết trong kinh Phật nói tự tánh của Như Lai tạng vốn trong sạch thường trụ chẳng đoạn, chẳng có biến đổi, đầy đủ ba mươi hai tướng nơi thân của tất cả chúng sanh, vì áo nhớ ấm, giới, nhập che khuất, nên bị cấu bẩn vọng phân biệt tham, sân, si***

**sở ô nhiễm, giống như bửu vật vô giá ẩn trong áo nhơ” (Kinh Lăng Già - Trang 65).**

Như vậy pháp tánh này không phải của sắc, vì sắc tự tánh rỗng không.

Do đó, sắc không tự sinh ra sắc và sắc cũng không phải từ nhân duyên sinh ra sắc, bởi khi xét về nhân duyên cũng thấy nhân duyên không có tự tánh, nên nhân duyên cũng không tự sinh ra được nhân duyên, nên nhân duyên cũng không có.

**Trong kinh Bát Nhã Đức Phật nói: “...Không có vô minh cũng không có vô minh tận, hẳn đến không có lão tử, cũng không có lão tử tận...”(Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 1 - Phẩm Tu Tập Đúng - Trang 60).**

Khi quán về các pháp thọ, tưởng, hành, thức cũng thấy được như sắc là các pháp không có tự tánh, nên không có cái tạo tác. Do đó thọ, tưởng, hành, thức không sanh, không diệt nên rỗng không. Thọ, tưởng, hành, thức được hiện hữu là do sự tạo tác sinh khởi của pháp tánh thường trụ, đó là Phật tánh, hay còn gọi là tánh không, là trí tuệ Phật, chính là Bát nhã ba la mật.

Như vậy, Bồ tát dùng sức phương tiện trong quá trình quan sát thấy được từ sắc đến thọ, tưởng, hành, thức là rỗng không, tất cả các pháp đều rỗng không, không thật có. Do đó khi nhập sơ thiền Bồ tát thấy rằng tất cả các pháp đều không. Đối với con người **“Chiếu kiến ngũ uẩn giai không”** tức là trong quan sát soi chiếu thấy được năm uẩn đều không.

Phật tánh chính là pháp thân của Như Lai, do Đức Phật Như Lai phân thân thị hiện mà có. Phật tánh đó cũng chính là trí tuệ Phật còn gọi là Phật tri kiến, hay còn gọi là Bát nhã ba la mật. Như vậy tất cả các pháp đều không sanh, nên không có mà do Bát nhã ba la mật sinh ra tất cả các pháp.

**Kinh Bát Nhã Đức Phật nói: “Vì tất cả các pháp chẳng sanh như vậy nên Bát nhã ba la mật phải sanh”.** (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 2 - Phẩm Chiếu Minh - Trang 103).

Trong bát bội xả: **“bội xả thứ nhất là trong có sắc tướng ngoài quán sắc”.** (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 3 - Phẩm Lục Độ Tương Nhiếp - Trang 106).

Như vậy, khi nhập sơ thiền quan sát sắc tướng của các pháp thấy rằng: các pháp đều rỗng không, như Đàn na ba la mật đã chỉ rõ bởi rỗng không nên không thấy người thí, không thấy vật thí và không thấy người nhận thí. Như vậy, khi nhập sơ thiền quan sát các pháp thấy được các pháp là rỗng không, sắc không, thọ, tưởng, hành, thức không, tất cả các pháp rỗng không, nên xả thiền, không thọ sanh theo thiền, không chấp trước các pháp là thật có, nên xả sơ thiền nhập quán vào nhị thiền.

## 5.2. Nhập nhị thiên:

Khi quan sát về sắc thấy sắc là rỗng không do vậy trong: **“bội xả thứ hai là trong không sắc tướng ngoài quán sắc”** (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 3 - Phẩm Lục Độ Tương Nhiếp - Trang 106).

Tuy rằng khi quán về sắc thấy được sắc rỗng không, nhưng vẫn thấy có tên gọi là sắc rỗng không. Vì sắc không sanh nên sắc không có, thì cũng không thể có tên gọi là sắc, bởi các pháp khi hiện hữu mới có tên gọi, còn vốn thể của sắc là không sanh, không diệt nên không có. Do đó cũng không có tên gọi là sắc rỗng không, khi quán các pháp khác cũng thấy như vậy. Ở nhị thiên khi nhập thiên thấy rõ cũng không có các pháp, cũng không có danh tự (tức là tên gọi). Do vậy không chấp vào các pháp là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, là rỗng không hay thật có, mà vốn thể các pháp là không sanh, không có nên không có tên gọi. Khi quán được như vậy và xả nhị thiên nhập vào tam thiên.

## 5.3. Nhập tam thiên:

Khi nhập vào các pháp không thấy có các pháp và không thấy có tên gọi nên: **“bội xả thứ ba là tịnh bội xả thân tác chứng”** (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 3 - Phẩm Lục Độ Tương Nhiếp - Trang 106).

Nghĩa là xả bỏ một cách hoàn toàn, quán về sắc và sắc tướng rỗng không. Tịnh có nghĩa là sạch, bội xả có nghĩa là xả bỏ sạch hết tất cả không còn chấp vào các pháp nữa. Khi thấy rằng các pháp không thật có, nhưng các pháp được hiện hữu có hình tướng, có tên gọi là do pháp tánh thường trụ, đó là Phật tánh. Phật tánh là cái tạo tác cũng chính là ức tướng tư duy tạo tác.

Trong kinh Bát Nhã Đức Phật nói: **“Tất cả pháp ấy đều là pháp tạo tác ức tướng tư duy”**. (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 3 - Phẩm Bình Đẳng - Trang 468).

Ức tướng tư duy chính là trí tuệ Phật, cũng chính là Bát nhã ba la mật, hay còn gọi là Như Lai tạng, tức là pháp thân Như Lai, do Đức Phật Như Lai phân thân mà có để tạo tác khởi sanh ra các pháp.

Đại Bồ tát quán sát thấy được như vậy xả tam thiên nhập vào tứ thiên.

## 5.4. Nhập tứ thiên:

Qua quá trình quan sát về uẩn sắc của con người và sắc tướng của tất cả các pháp ở các pháp thiên trên, Bồ tát thấy rõ được tất cả các pháp đều không, rỗng không như hư không, vì tất cả các pháp không sanh, không diệt nên các pháp không có. Nhưng thấy các pháp không phải hoàn toàn không có, mà các pháp vẫn được hiện hữu trong thế gian là do pháp tánh thường trụ tức là Phật tánh, cũng chính là Bát nhã ba la mật tạo tác sanh khởi.

Trong Bát bội xả: **“Bội xả thứ tư là vượt qua tất cả sắc tướng, dứt diệt tướng có đối đãi, vì chẳng nghĩ nhớ các thứ sắc tướng nên nhập hư không vô biên xứ”**. (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 3 - Phẩm Lục Độ Tương Nhiếp - Trang 106).

**“...vượt qua tất cả sắc tướng...”** : Tức là khi thấy được sắc tướng của tất cả các pháp là không có, nhưng các pháp vẫn hiện hữu, nghĩa là các pháp chẳng có, nhưng chẳng phải chẳng có, nên không có pháp đối đãi là thật có hay không có.

**“...dứt diệt tướng có đối đãi...”** : Tức là không có tướng đối đãi vì không chấp trước vào các pháp là thật có và không chấp trước vào các pháp là không có, một niệm cũng không nghĩ nhớ xả niệm thanh tịnh, xả thiền không thọ sanh theo thiền, nhập hư không vô biên xứ, các pháp tương đồng như hư không.

Chính kinh: **“...Chẳng thọ sanh theo thiền, và cũng dạy người khác nhập các thiền...”**

*Luận nghĩa*: Khi nhập thiền quán các pháp hiện hữu và tu theo các pháp hiện hữu, chấp trước các pháp là thật có, bám lấy thì gọi là thọ sanh theo thiền. Còn chẳng thọ sanh theo thiền nghĩa là dứt diệt hết tướng đối đãi, đối đãi nghĩa là có và không. Có là pháp hữu và không là pháp vô, đây là pháp nhị biên, không còn chấp vào pháp nhị biên nữa gọi là chẳng thọ sanh theo thiền.

Đại Bồ tát dùng phương tiện nhập các thiền như trên **“chẳng thọ sanh theo thiền và cũng dạy người khác nhập các thiền”** như vậy.

Chính kinh: **“...Vì vô sở đắc vậy...”**.

*Luận nghĩa*: Vì mọi sở đắc của các pháp là do Pháp tánh thường trụ trong các pháp tác động cho khả đắc, còn các pháp là vô sở đắc.

**“Đây gọi là đại Bồ tát thiền na ba la mật.”**

**6. Bát nhã ba la mật**: Tức là trí tuệ Phật.

Chính kinh: **“Đại Bồ tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí, chẳng chấp trước tất cả pháp và quán pháp tánh, vì vô sở đắc vậy. Cũng dạy người khác chẳng chấp trước tất cả pháp và quán pháp tánh, vì vô sở đắc vậy. Đây gọi là đại Bồ tát Bát nhã ba la mật”** (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 1 - Phẩm Vấn Thù - Trang 244).

Chính kinh: **“Đại Bồ tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí...”**

*Luận nghĩa*: Đức Phật Thích Ca đã chỉ ra trong tâm của con người có hai phần: Tâm Vương và Tâm Sở. Tâm Vương là trí tuệ Phật cũng là Nhất thiết trí, cũng chính là Bát nhã ba la mật. Tâm Sở là ý thức của con người.

Đại Bồ tát dùng tâm đúng với Nhất thiết trí nghĩa là dùng ý thức của mình biết được Tâm Vương chính là Nhất thiết trí, là Phật tánh trong chúng sanh, còn gọi là Như Lai tạng, là trí tuệ của Đức Phật, cũng chính là Bát nhã ba la mật. Nên nói **“Đại Bồ Tát dùng tâm đúng với nhất thiết trí.”**

**Chính kinh: “...Chẳng chấp trước tất cả pháp...”**

**Luận nghĩa:** Như đã giải thích ở thiên na ba la mật, đại Bồ tát chẳng chấp trước tất cả pháp, tức là cũng chẳng chấp trước các pháp là thật có, cũng chẳng chấp trước các pháp là không có, vượt khỏi nhị biên, dứt diệt tướng có đối đãi, xả thiên nên chẳng chấp trước tất cả pháp.

**Chính kinh: “...và quán pháp tánh...”**

**Luận nghĩa:** Pháp tánh là cái tạo tác, sản xuất, cấu tạo khởi sanh lên tất cả pháp, tác động cho mọi hoạt động qua lại của các pháp trong vận động, phát triển và tồn tại. Pháp tánh này thường trụ trong các pháp, thay vì các pháp không có tự tánh, pháp tánh này không phải của các pháp. Đối với pháp tánh cũng không tự sanh ra được pháp tánh, bởi pháp tánh cũng không có tự tánh như các pháp. Vì vậy pháp tánh cũng không có cái tạo tác, cấu tạo sản xuất lên chính nó, do đó pháp tánh không tự sanh ra được pháp tánh, bởi pháp tánh cũng không sanh, không diệt nên không có.

Pháp tánh có được là do Đức Phật Như Lai phân thân tạo tác mà có, đó chính là Phật tánh, còn gọi là Như Lai tạng hay pháp thân của Như Lai, cũng chính là Bát nhã ba la mật, tức là trí tuệ Phật, cũng chính là ức tướng tư duy tạo tác. Pháp tánh, Phật tánh được Đức Phật Như Lai phân thân thị hiện nhiều như vi trần đầy khắp cả mười phương vô lượng thế giới, để tạo tác lên tất cả các pháp và mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ.

**Trong kinh Lăng Già nói: “Pháp sở thuyết trong kinh Phật nói tự tánh của Như Lai tạng vốn trong sạch thường trụ chẳng đoạn, chẳng có biến đổi, đầy đủ ba mươi hai tướng nơi thân của tất cả chúng sanh, vì áo nhơ, ám, giới, nhập che khuất nên bị cấu bần vọng phân biệt, tham, sân, si sở ô nhiễm, giống như bửu vật vô giá ẩn trong áo nhơ” (Kinh Lăng Già – Trang 65).**

**Trong kinh Đại niết bàn Đức Phật nói: “Một là có thể thị hiện một thân làm nhiều thân, số thân lớn nhỏ nhiều như vi trần đầy khắp mười phương vô lượng thế giới. Thân Như Lai chẳng phải vi trần vì sức đại tự tại mà thị hiện vi trần thân” (Kinh Đại Bát Niết Bàn - Tập 2 - Trang 105).**

**Trong Kinh Bát Nhã Đức Phật nói: “Tất cả pháp ấy đều là pháp tạo tác ức tướng tư duy” (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật – Tập 3 - Phẩm Bình Đẳng – Tập 468).**

Tư duy là nói về trí tuệ, mà chỉ có trí tuệ Phật mới ước tưởng tư duy tạo tác, nên Phật tánh chính là ước tưởng tư duy tạo tác, hay gọi là trí tuệ Phật, là Bát nhã ba la mật.

Như vậy, pháp tánh thường trụ trong các pháp, chính là Bát nhã ba la mật, cũng chính là tự tướng làm chủ thể, chúa tể, là cái ngã của các pháp để tác động cho các pháp trong vận động, hoạt động, phát triển và tồn tại sự sống. Hay còn gọi là thần lực của Phật, là năng lực tạo tác của Đức Phật, không phải lực tác động mà là thần lực tạo, tác mang tính biến hóa và tạo ra tất cả mọi sự vật hiện tượng.

Do đó tất cả các pháp đều là Đức Phật, là pháp tánh, là Bát nhã ba la mật.

*Đức Phật Thích Ca đã chỉ ra: “**Phật tức là Bát Nhã Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật tức là Phật**” (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật – Tập 2 – Phẩm Chiếu Minh – Trang 100).*

*“**Bát Nhã Ba La Mật này hay sanh tất cả pháp, tất cả biện tài, tất cả chiếu minh**” (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 3 - Phẩm Tam Huệ - Trang 170).*

*“**Bát nhã ba la mật là tối đệ nhất, là tối tôn, tối thắng, tối diệu không có gì trên**” (Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - Tập 1 - Phẩm Tu Tập Đúng - Trang 70).*

*Chính kinh: “...**Vì vô sở đắc vậy**”.*

*Luận nghĩa: Pháp tánh là Phật tánh là biến thể phân thân của Đức Phật, Đức Phật có phân thân tạo tác thì mới có pháp tánh. Còn pháp tánh không có tự tánh nên không có cái tạo tác, cấu tạo sản xuất ra chính nó vì vậy pháp tánh cũng không sanh do đó rỗng không vì vô sở đắc vậy.*

Đại Bồ tát chẳng chấp trước tất cả pháp và quán pháp tánh, vì vô sở đắc vậy. Cũng dạy người khác chẳng chấp trước tất cả pháp và quán pháp tánh, vì vô sở đắc vậy.

*“**Đây gọi là đại Bồ tát Bát nhã ba la mật**”*

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật - nhà xuất bản Hồng Đức, xuất bản năm 2014, dịch giả Hòa Thượng Thích Trí Tịnh.
2. Kinh Lăng Già - Nhà xuất bản Tôn giáo, xuất bản năm 2015, dịch giả Hòa Thượng Thích Duy Lực.
3. Bộ Kinh Đại Bát Niết Bàn – Nhà xuất bản Tôn Giáo, xuất bản năm 2013, dịch giả Hòa Thượng Thích Trí Tịnh.